TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 69/2018/QĐST-HNGĐ	*Quận 2, ngày 14 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 39/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà B, sinh năm: 1986;
Địa chỉ thường trú: 81, Đường 13, Tổ 57, Khu phố 6, phường Bình Trưng Tây, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên hệ: 39/20, đường Nghĩa Phát, Phường 6, quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông N, sinh ngày: 1985;
Địa chỉ thường trú: 81, Đường 13, Tổ 57, Khu phố 6, phường Bình Trưng Tây, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào các Điều 54, 56, 57, 58, và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà B và ông N theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 64; Quyển số: 01/2011 ngày 11 tháng 06 năm 2011của Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây, Quận 2, Thành Phố Hồ Chí Minh. Bà B và ông N chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày 14 tháng 3 năm 2018.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà B và ông N xác định có 02 con chung là cháu A, sinh ngày: 12/07/2012 và K, sinh ngày: 27/12/2013. Bà B và ông N thỏa thuận: Ông N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 cháu A và K. Bà B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Bà B được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, nhưng không được làm những gì ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất và tinh thần của con chung.

Vì quyền lợi của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng tiền nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: Bà B và ông N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Bà B và ông N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí:

Về án phí hôn nhân sơ thẩm hòa giải thành là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng. Bà B và ông N mỗi người phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng. Ghi nhận sự tự nguyện bà B chịu án phí hôn nhân cho ông N. Cấn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Bình đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AE/2014/0008841 ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án quận 2. Hoàn trả lại số tiền chênh lệch 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng cho bà Bình.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận 2;
- Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (Như Trang).

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Muôn